

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 6 năm 2024

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Văn và ông Trần Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nông Văn M**, sinh năm 1997.

Bị đơn: Chị **Nông Thị Ánh N**, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: **Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái**. Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn anh **Nông Văn M** trình bày:

Anh và chị **Nông Thị Ánh N** đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn đã được anh chị khắc phục nhưng không cải thiện được. Hiện anh chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay không

quan tâm đến nhau. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về nuôi con: Anh và chị N có một con chung là cháu Nông Tiến D, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2016. Hiện cháu D đang ở với chị N nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D và anh cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn chị Nông Thị Ánh N vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nông Văn M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 56, 81,82, 83, 107 và Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nông Văn M được ly hôn với chị Nông Thị Ánh N. Về nuôi con: Giao cho chị Nông Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Tiến D, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2016, anh Nông Văn M cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Về án phí: Anh Nông Văn M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Về quyền kháng cáo: Anh M và chị N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về hôn nhân và gia đình, bị đơn chị Nông Thị Ánh N có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái nên vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn anh **Nông Văn M** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị **Nông Thị Ánh N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh **Nông Văn M** và chị **Nông Thị Ánh N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Theo anh **M**, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được anh chị khắc phục nhưng không cải thiện được. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập chị **N** nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến với yêu cầu khởi kiện của anh **M**. Qua đó cho thấy, chị **N** không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **M** và chị **N** đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh **M** là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Anh **M** và chị **N** có một con là **Nông Tiến D**, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2016, hiện cháu **D** đang ở với chị **N**. Anh **M** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị **N** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **D** và anh cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu **D** đủ 18 tuổi. Cháu **D** có nguyện vọng được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh **M** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị **N** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **D** và anh cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ 1 tháng là chính đáng, phù hợp tình hình thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cháu **D** được ở cùng mẹ. Tuy chị **N** không có ý kiến về yêu cầu ly hôn và về nuôi con, nhưng qua kết quả xác minh tại nơi cư trú của chị **N** xác định hiện chị **N** và cháu **D** đang ở cùng bố mẹ đẻ của chị **N** là ông **Nông Văn Q** và bà **Vũ Thị N1** ở thôn T, xã M, huyện L. Điều kiện và hoàn cảnh đáp ứng cuộc sống của cháu **D**. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập cần giao cháu **D** cho chị **N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh **M** cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

[4] Về chia tài sản: Anh **M** không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị **N** không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh **M** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con; Anh **M** và chị **N** có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83; 107; 110 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Anh **Nông Văn M** được ly hôn chị **Nông Thị Ánh N**.

2. Về nuôi con: Giao cho chị **Nông Thị Ánh N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nông Tiến D**, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2016 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh **Nông Văn M** phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (18/6/2024) cho đến khi cháu **D** đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh **M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

*Kể từ ngày chị **N** có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh **M** chưa thi hành thì hàng tháng anh **M** còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án*

3. Về án phí: Anh **Nông Văn M** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0001712 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Anh **Nông Văn M** còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh **Nông Văn M** và chị **Nông Thị Ánh N** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- Chi cục THADS H. Lục Yên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND xã An Phú;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

Hà Thị Thu Hương

